**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2018
V/v: *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Kim

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Hồ Thị Xuân Lan

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 980/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự*:*

*Nguyên đơn*: Bà Phan Thị H, sinh năm: 1966 *(có mặt)*

Trú tại: 400/4L đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm: 1970 *(có mặt)*

HKTT: 281/77 Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tr.

Tạm trú: 400/4L đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị H thể hiện:

- Bà H và ông Nguyễn Phước L sống chung với nhau từ năm 2015, không tổ chức cưới hỏi, nhưng có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T cấp ngày 25/12/2015.

Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông L sống ích kỷ, không có trách nhiệm, chỉ lo cho bản thân, bà phải lo hết kinh tế trong gia đình, nhưng ông L không chia sẻ. Do cả hai bên trước đây đều đã có gia đình vì thế ông L nghĩ rằng bà lo cho con cháu

riêng, nên sống không có trách nhiệm. Nhiều lần bà có khuyên bảo ông L phải phụ giúp phần nhỏ nào đó về kinh tế, để thể hiện trách nhiệm người chồng nhưng ông không đồng ý. Nay bà thấy không còn tình cảm, không muốn chung sống với ông L nữa nên quyết định ly hôn.

Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: không có.

*Bị đơn ông Nguyễn Phước L trình bày:

Ông thừa nhận đúng lời khai của bà H về quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn xuất phát từ việc bà H có gia đình riêng, có nhiều con nhưng các con của bà hư hỏng, bà H một mình phải nuôi con, nuôi cháu. Chính vì vậy cũng làm cho ông bất mãn và không muốn đóng góp chung tiền bạc. Tuy vậy, ở nhà ông có phụ giúp bà H chăm sóc các cháu của bà. Ông nhận thấy, đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ, nhưng bà H cố tình lấy lý do này để ly hôn.

Hiện ông không muốn ly hôn, cũng không có yêu cầu chia tài sản.

Nợ chung: Không có. Tài sản chung, nợ chung: không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có ông Nguyễn Văn Ngon phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị H, bị đơn ông Nguyễn Phước L đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Phước L không đồng ý. Xét yêu cầu ly hôn của bà H vì bà không còn tình cảm với ông L, do ông L sống ích kỷ, không cùng bà chia sẻ khó khăn, không có trách nhiệm. Nhiều lần bà khuyên bảo nhưng ông L không thay đổi. Xét thấy bà H và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận cho cả hai ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung cả hai xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Ông Nguyễn Phước L và bà Phan Thị H sống chung và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, cấp ngày 25/12/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Khi có yêu cầu ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo qui định pháp luật.

[1.2] Hiện bà Hoa và ông Lộc cư trú tại địa chỉ 400/4L đường V, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2].*Về nội dung*:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày nguyên nhân ly hôn là do mâu thuẫn, chủ yếu từ việc ông L sống ích kỷ, chỉ lo bản thân, không phụ giúp bà kinh tế dù chỉ một phần nhỏ, mọi chi phí sinh hoạt bà lo hết. Ông L đi làm nhưng dành tiền riêng, sống không có trách nhiệm. Nhiều lần bà khuyên bảo nhưng ông L vẫn thế, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Phước L không đồng ý ly hôn. Ông L xác định vẫn còn tình cảm với bà H. Theo ông mâu thuẫn này là việc nhỏ, đơn giản, có thể giải quyết được, ông xin đoàn tụ. Tuy nhiên ông cũng thừa nhận là có mâu thuẫn như bà H trình bày, nhưng nguyên nhân xuất phát từ việc bà H có các con riêng, nhưng họ hư hỏng, một mình bà H phải nuôi con, nuôi cháu nên ông cảm thấy bất mãn và không muốn góp tiền chung. Ông không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, qua mâu thuẫn mà các bên trình bày, nhiều lần Tòa án làm việc, hòa giải và cho thời gian để các bên tự điều chỉnh cuộc sống và cách suy nghĩ của mình, nhằm hàn gắn lại tình cảm. Tuy nhiên tại phiên Tòa bà H vẫn cương quyết ly hôn, còn ông L thì không đồng ý yêu cầu này, nhưng ông lại không chịu thay đổi cách sống của mình cho phù hợp theo yêu cầu của bà H. Bên cạnh đó, ông L cũng không có biện pháp hay cách giải quyết nào nhằm tháo gỡ những vướng mắc của hai bên, để làm bà H thay đổi ý kiến mà rút lại yêu cầu khởi kiện.

Từ đó cho thấy, giữa bà H và ông L thật sự không thể hàn gắn lại tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H.

[2.2] Về con chung: Hai bên xác định không có

[2.3] Về tài sản chung:

Tại phiên Tòa, ông L không có ý kiến về tài sản chung, ông xác định không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chỉ mong muốn được bà H hỗ trợ.

Bà H cho rằng không có khả năng và đề nghị hỗ trợ 10.000.000 đồng cho ông L, nhưng ông L không đồng ý.

Xét về tài sản chung các bên xác định hiện không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: cả hai khai không có.

[3]Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà Hoa phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên*,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về qui định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H ly hôn với ông Nguyễn Phước L.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013392 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn của ông Nguyễn Phước L và bà Phan Thị H, số 77, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 25/12/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường M, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim**